

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức:** Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội ("HABECO")
 - Mã chứng khoán/Mã thành viên:** BHN
 - Địa chỉ:** Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
 - Điện thoại liên hệ:** 024.38453843 Fax: 024.37223784
 - Email:** habeco@habeco.com.vn
- Nội dung thông tin công bố:**
 - Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
 - Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 23 / 01/2025 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Trường Thăng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 – 5
Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét	6 – 50
<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>	6 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	11 – 12
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	13 – 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình với Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 đã được soát xét.

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 là: 2.318.000.000.000 đồng.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại : (024) 3845 3843
Web : www.habeco.com.vn
Mã số thuế : 0101376672

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính riêng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm báo cáo này (từ trang 6 đến trang 50).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quân Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Bà Chủ Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Trần Đức Giang	Thành viên
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

Số: 1107.02.07/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
Kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội, được lập ngày 23 tháng 01 năm 2025, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31/12/2024 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của đơn vị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của đơn vị cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 4 năm 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 29 tháng 01 năm 2024 có kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2023-124-1

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.726.597.070.577	3.759.118.109.097
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	646.174.126.989	784.624.181.965
1.	Tiền	111		412.244.126.989	284.069.181.965
2.	Các khoản tương đương tiền	112		233.930.000.000	500.555.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.623.586.200.000	2.210.721.900.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.623.586.200.000	2.210.721.900.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.473.849.776	396.185.346.139
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	70.105.789.058	331.504.428.086
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		22.830.704.304	20.316.584.650
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	70.226.575.836	50.053.552.825
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.689.219.422)	(5.689.219.422)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.6	268.733.003.690	309.506.366.681
1.	Hàng tồn kho	141		268.733.003.690	309.506.366.681
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		30.629.890.122	58.080.314.312
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	15.245.217.632	14.542.230.777
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.688.004.680	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	1.696.667.810	43.538.083.535
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.000.169.897.772	1.930.573.170.520
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		479.114.731.038	612.921.303.879
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	460.978.230.041	589.904.043.626
	- Nguyên giá	222		4.003.091.543.009	3.973.061.175.030
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.542.113.312.968)	(3.383.157.131.404)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.9	18.136.500.997	23.017.260.253
	- Nguyên giá	228		76.218.623.019	74.993.423.019
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(58.082.122.022)	(51.976.162.766)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	8.870.276.678	10.206.445.031
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.870.276.678	10.206.445.031
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.466.581.089.389	1.264.834.097.533
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.122.326.153.223	1.122.326.153.223
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		131.369.420.164	131.369.420.164
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		36.250.000.000	36.250.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(23.364.483.998)	(25.111.475.854)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000.000	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		45.603.800.667	42.611.324.077
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	44.699.682.659	40.973.739.259
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	904.118.008	1.637.584.818
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		5.726.766.968.349	5.689.691.279.617

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.464.471.208.337	1.394.298.480.487
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.369.324.908.831	1.307.702.303.181
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	979.461.079.064	879.181.705.400
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.266.034.737	9.490.376.649
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	160.269.762.107	140.218.939.864
4.	Phải trả người lao động	314		81.848.019.978	90.274.176.918
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	21.315.173.539	78.624.281.588
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	69.742.649.109	68.156.117.616
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		52.422.190.297	41.756.705.146
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		95.146.299.506	86.596.177.306
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	95.146.299.506	86.596.177.306
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.262.295.760.012	4.295.392.799.130
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	4.262.295.760.012	4.295.392.799.130
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.083.800.291.522	1.083.800.291.522
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.432.027.465	11.698.027.465
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		849.063.441.025	881.894.480.143
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		478.109.356.260	547.858.666.653
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		370.954.084.765	334.035.813.490
12.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II.	II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		5.726.766.968.349	5.689.691.279.617

Người lập biểu

Trần Quốc Việt

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 4 năm 2024

		Đơn vị tính: VND			
		Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.850.827.578.717	1.815.886.137.975	5.732.148.541.830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.469.698.492	75.996.348	3.965.428.800
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.847.357.880.225	1.815.810.141.627	5.728.183.113.030
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.453.621.211.084	1.484.451.279.318	4.351.884.949.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		393.736.669.141	331.358.862.309	1.376.298.163.410
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	40.821.570.431	45.871.604.894	183.376.879.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(4.268.324.400)	(5.228.534.613)	917.847.627
Trong đó: Chi phí lãi vay			-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	250.316.421.237	198.270.096.619	864.370.284.405
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	82.458.083.637	86.521.108.846	243.800.557.606
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		106.052.059.098	97.667.796.351	450.586.353.159
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.468.986.986	5.896.114.538	17.947.767.533
12. Chi phí khác	32	VI.9	-	-	2.139.555.097
13. Lợi nhuận khác	40		6.468.986.986	5.896.114.538	15.808.212.436
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.521.046.084	103.563.910.889	466.394.565.595
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	23.770.799.618	23.242.999.841	94.707.014.020
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(353.485.162)	(485.584.380)	733.466.810
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.103.731.628	80.806.495.428	370.954.084.765

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025
Tổng Giám đốc



Trần Quốc Việt

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		466.394.565.595	424.625.550.502
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		166.960.122.033	185.130.952.574
- Các khoản dự phòng	03		(1.746.991.856)	5.805.320.564
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(180.844.909.616)	(238.734.659.156)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		450.762.786.156	376.827.164.484
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		240.779.988.021	229.638.876.304
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		40.773.362.991	61.121.439.029
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.704.849.089	(290.215.702.762)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.428.930.255)	9.921.819.866
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.613.375)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(45.685.638.732)	(40.102.253.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		697.876.803.895	347.191.343.226
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(40.670.986.045)	(19.857.413.192)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		166.409.091	441.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.554.814.300.000)	(3.308.698.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.941.950.000.000	3.570.842.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		165.236.898.883	252.517.168.465
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(488.131.978.071)	495.244.755.273

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(348.194.880.800)	(277.670.532.710)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(348.194.880.800)	(277.670.532.710)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(138.450.054.976)	564.765.565.789
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		784.624.181.965	219.858.616.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		646.174.126.989	784.624.181.965

Người lập biểu



Trần Quốc Việt

Kế toán trưởng

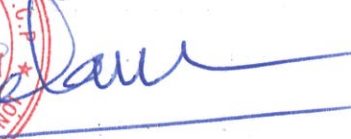


Phạm Thu Thủy



Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Khái quát về Tổng Công ty

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 6 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 6 theo số 0101376672 ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại : (024) 3845.3843

Web : www.habeco.com.vn

Mã số thuế : 0101376672

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Tình hình hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	Đang hoạt động	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	Đang hoạt động	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	Đang hoạt động	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	Đang hoạt động	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	Đang hoạt động	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	Đang hoạt động	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	Đang hoạt động	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	Đang hoạt động	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	Đang hoạt động	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	Đang hoạt động	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	Đang hoạt động	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	Đang hoạt động	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	Đang hoạt động	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	Đang hoạt động	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	Đang hoạt động	160.000.000.000	66,69%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	Đang hoạt động	100.000.000.000	53,89%	53,89%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Tổng Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Tình hình hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	Đang hoạt động	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	Đang hoạt động	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	Đang hoạt động	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	Đang hoạt động	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	Đang hoạt động	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	Đang hoạt động	35.000.000.000	44,22%	44,22%

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Xã Tiên Phong, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội;

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính riêng năm 2023 và Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2023.

7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 515 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 512 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm đạt được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một doanh nghiệp có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư mua được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê từ 47 đến 50 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

8. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 – 15	03 – 15
- Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
- Dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
- Thương hiệu	04	04
- Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Tổng Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Tổng Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Tổng Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, hoặc cộng trừ các khoản phân bổ lũy kế theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của doanh nghiệp sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	-	230.198.000
Tiền gửi ngân hàng	412.244.126.989	283.838.983.965
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	233.930.000.000	500.555.000.000
Cộng	646.174.126.989	784.624.181.965

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đối tượng	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
- Ngắn hạn	2.623.586.200.000	-	2.210.721.900.000	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	2.623.586.200.000	-	2.210.721.900.000	-
- Dài hạn	200.000.000.000	-	-	-
+ Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng (*)	200.000.000.000	-	-	-
Cộng	2.823.586.200.000	-	2.210.721.900.000	-

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, lãi suất tiền gửi từ 4,2%/năm đến 6,2%/năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	50.000.000.000	100,00%	50.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	30.631.673.095	55,00%	30.631.673.095
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	82.343.478.402	65,01%	82.343.478.402
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	66,31%	56.448.402.482	66,31%	56.448.402.482
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	55,00%	82.689.355.104	55,00%	82.689.355.104
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	62,05%	37.666.057.755	62,05%	37.666.057.755
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	14.487.313.191	68,95%	14.487.313.191
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	54,29%	143.696.608.717	54,29%	143.696.608.717
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	22.977.925.427	60,00%	22.977.925.427
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	8.673.477.197	52,64%	8.673.477.197
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	96,10%	223.535.805.853	96,10%	223.535.805.853
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	106.581.700.000	98,56%	106.581.700.000
Công ty CP Habeco Hải Phòng	66,69%	106.709.356.000	66,69%	106.709.356.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	53,89%	53.885.000.000	53,89%	53.885.000.000
Cộng		1.122.326.153.223		1.122.326.153.223
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		20.359.796.624		21.994.144.364
Giá trị thuần		1.101.966.356.599		1.100.332.008.859

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP Habeco Hải Phòng là 80,75%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

c. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	11.200.000.000	28,10%	11.200.000.000
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	8.304.865.190	28,00%	8.304.865.190
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	16.478.300.000	45,00%	16.478.300.000
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	27.305.100.155	40,00%	27.305.100.155
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	52.605.154.819	27,21%	52.605.154.819
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	15.476.000.000	44,22%	15.476.000.000
Cộng		131.369.420.164		131.369.420.164
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		268.239.306		380.883.422
Giá trị thuần		131.101.180.858		130.988.536.742

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

d. Đầu tư vào đơn vị khác

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Đầu tư cổ phiếu		-		-
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	36.250.000.000	15,52%	36.250.000.000
- Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	16.250.000.000	3,58%	16.250.000.000
- Công ty Cổ phần Vinacerglass	6,00%	5.000.000.000	6,00%	5.000.000.000
- Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	5,00%	12.000.000.000	5,00%	12.000.000.000
Cộng		3.000.000.000		3.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		36.250.000.000		36.250.000.000
Giá trị thuần		2.736.448.068		2.736.448.068
		33.513.551.932		33.513.551.932

(*) *Ghi chú:* Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP TM Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	26.127.745.020	282.590.744.895
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	525.950.755	440.466.698
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	10.598.370	48.345.777
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	2.898.069.760	1.828.899.689
Công ty TNHH MTV thương mại HABECO Miền Trung	4.861.619.557	37.317.884.686
Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng	25.315.317.861	-
Phải thu các khách hàng khác	10.366.487.735	9.278.086.341
Cộng	70.105.789.058	331.504.428.086

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.**4. Phải thu khác ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	53.761.740.495	38.320.138.853
Phải thu lãi cho Công ty CP Sữa Việt Mỹ vay	834.570.285	834.570.285
Phải thu tiền ĐBGPMB Dự án Chi nhánh Tuyên Quang	-	3.394.704.000
Văn phòng đại diện Kronos tại Hà Nội	9.182.856.480	-
Phải thu khác	6.447.408.576	7.504.139.687
Cộng	70.226.575.836	50.053.552.825

Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.**5. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000
Các đối tượng khác	872.974.554	872.974.554	872.974.554	872.974.554
Cộng	5.689.219.422	5.689.219.422	5.689.219.422	5.689.219.422

Đơn vị tính: VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Hàng đi trên đường	257.660.000	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	86.511.326.171	-	-	114.813.639.815	-
Công cụ, dụng cụ	59.225.311.033	-	-	61.671.746.418	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.539.699.896	-	-	41.492.837.630	-
Thành phẩm	67.798.446.108	-	-	86.226.143.814	-
Hàng hóa	17.400.560.482	-	-	5.301.999.004	-
Cộng	268.733.003.690	-	-	309.506.366.681	-

7. Tài sản dở dang dài hạn	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang					
Dự án ERP	5.206.809.953	-	-	-	5.206.809.953
Chi phí cải tạo nhà locker	411.359.151	5.327.445.580	5.738.804.731	-	-
Chi phí sửa chữa nhà hội trường	4.588.275.927	-	-	4.588.275.927	-
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1	-	3.105.242.629	-	-	3.105.242.629
Hội trường Tổng công ty	-	4.823.553.375	-	4.265.329.279	558.224.096
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Cộng	10.206.445.031	13.256.241.584	5.738.804.731	8.853.605.206	8.870.276.678

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình							Đơn vị tính: VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình							
Số dư đầu năm	866.265.774.154	2.960.914.857.390	45.649.266.578	89.047.802.778	11.183.474.130	3.973.061.175.030	
Số tăng trong năm	19.907.296.867	6.388.732.017	1.956.914.909	3.892.616.589	-	32.145.560.382	
- Mua sắm mới	14.168.492.136	6.388.732.017	1.956.914.909	3.892.616.589	-	26.406.755.651	
- TSCĐ hình thành từ XDCB	5.738.804.731	-	-	-	-	5.738.804.731	
Số giảm trong năm	217.211.190	105.628.727	1.048.513.636	743.838.850	-	2.115.192.403	
- Thanh lý, nhượng bán	-	105.628.727	1.048.513.636	743.838.850	-	1.897.981.213	
- Giảm khác	217.211.190	-	-	-	-	217.211.190	
Số dư cuối kỳ	885.955.859.831	2.967.197.960.680	46.557.667.851	92.196.580.517	11.183.474.130	4.003.091.543.009	
Giá trị đã hao mòn							
Số dư đầu năm	631.273.654.461	2.628.292.413.212	38.160.658.498	77.606.540.549	7.823.864.684	3.383.157.131.404	
Tăng trong năm	35.720.447.048	115.605.456.754	2.278.612.789	6.410.345.588	839.300.598	160.854.162.777	
Giảm trong năm	-	105.628.727	1.048.513.636	743.838.850	-	1.897.981.213	
- Thanh lý, nhượng bán	-	105.628.727	1.048.513.636	743.838.850	-	1.897.981.213	
Số dư cuối kỳ	666.994.101.509	2.743.792.241.239	39.390.757.651	83.273.047.287	8.663.165.282	3.542.113.312.968	
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình							
Tại ngày đầu năm	234.992.119.693	332.622.444.178	7.488.608.080	11.441.262.229	3.359.609.446	589.904.043.626	
Tại ngày cuối kỳ	218.961.758.322	223.405.719.441	7.166.910.200	8.923.533.230	2.520.308.848	460.978.230.041	

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.048.992.617.118 đồng.
- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	74.660.659.262	74.993.423.019
Số tăng trong năm	-	1.225.200.000	1.225.200.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	75.885.859.262	76.218.623.019
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	51.643.399.009	51.976.162.766
Số tăng trong năm	-	6.105.959.256	6.105.959.256
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	57.749.358.265	58.082.122.022
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm	-	23.017.260.253	23.017.260.253
Tại ngày cuối kỳ	-	18.136.500.997	18.136.500.997

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.176.406.530 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	1.487.794.079	2.000.187.244
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	2.638.983.439	4.960.037.786
Chi phí sửa chữa tài sản và phụ tùng thay thế	11.118.440.114	7.582.005.747
Cộng	15.245.217.632	14.542.230.777
b. Dài hạn		
Chi phí vỏ chai, két	24.798.877.413	21.850.932.759
Chi phí tiền thuê đất, thuê kho	18.830.692.185	16.061.044.601
Chi phí sửa chữa tài sản	-	1.331.780.024
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.070.113.061	1.729.981.875
Cộng	44.699.682.659	40.973.739.259

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	904.118.008	1.637.584.818
Cộng	904.118.008	1.637.584.818

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	-	-	4.186.893.260	4.186.893.260	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	4.228.111.838	4.228.111.838	18.412.201.428	18.412.201.428	
Công ty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	22.489.710.080	22.489.710.080	19.701.928.776	19.701.928.776	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hồng Phát	2.714.480.970	2.714.480.970	1.880.171.305	1.880.171.305	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	18.889.026.956	18.889.026.956	11.437.609.526	11.437.609.526	
Công ty CP Vận tải Habeco	8.032.445.316	8.032.445.316	4.805.781.364	4.805.781.364	
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	120.141.600.824	120.141.600.824	102.633.055.702	102.633.055.702	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	50.932.677.645	50.932.677.645	64.561.385.816	64.561.385.816	
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	58.765.756.411	58.765.756.411	69.864.143.098	69.864.143.098	
Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	14.191.151.735	14.191.151.735	7.362.086.192	7.362.086.192	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	24.426.445.645	24.426.445.645	46.985.678.089	46.985.678.089	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	13.205.957.047	13.205.957.047	8.981.026.502	8.981.026.502	
CN công ty TNHH ASIA Packaging industries (Việt nam) tại miền Bắc	-	-	13.441.324.853	13.441.324.853	
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	379.733.200	379.733.200	1.171.837.700	1.171.837.700	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	218.734.830.783	218.734.830.783	179.645.082.322	179.645.082.322	
Các đối tượng khác	422.329.150.614	422.329.150.614	324.111.499.467	324.111.499.467	
Cộng	979.461.079.064	979.461.079.064	879.181.705.400	879.181.705.400	

Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kết toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

			Đơn vị tính: VND	
Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng nội địa	1.412.822.845	277.695.506.172	(279.108.329.017)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	3.415.543.758	(3.415.543.758)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	137.230.874.546	1.652.760.293.964	(1.684.617.273.124)	105.373.895.386
Thuế xuất nhập khẩu	-	207.193.656	(207.193.656)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.180.492.991	(29.613.375)	53.150.879.616
Thuế thu nhập cá nhân	1.518.069.193	13.923.705.337	(13.754.429.265)	1.687.345.265
Thuế tài nguyên	57.173.280	1.043.634.662	(1.043.166.102)	57.641.840
Thuế, phí khác	-	5.305.409.224	(5.305.409.224)	-
Cộng	140.218.939.864	2.007.531.779.764	(1.987.480.957.521)	160.269.762.107
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.526.521.029	41.526.521.029	-	-
Thuế đất, tiền thuê đất	2.011.445.102	13.937.612.700	(13.622.718.001)	1.696.550.403
Thuế, phí khác	117.404	6.765.606.940	(6.765.606.943)	117.407
Cộng	43.538.083.535	62.229.740.669	(20.388.324.944)	1.696.667.810

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo quy định Luật hiện hành của Nhà nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bán hàng, hỗ trợ bán hàng	12.393.069.735	67.530.934.203
Trích trước chi phí XDCB	6.479.778.623	6.596.053.328
Chi phí phải trả khác	2.442.325.181	4.497.294.057
Cộng	21.315.173.539	78.624.281.588

15. Phải trả khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	343.032.628	760.312.205
Bảo hiểm xã hội	-	55.116.508
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	884.040.615	648.636.818
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	61.660.070.284	62.154.951.084
Phải trả phải nộp khác	6.855.505.582	4.537.101.001
Cộng	69.742.649.109	68.156.117.616
b. Dài hạn		
Nhận ký cược chai kết	95.146.299.506	86.596.177.306
Cộng	95.146.299.506	86.596.177.306

c. Phải trả khác là bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
 Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu					Đơn vị tính: VND	
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	12.031.027.465	864.078.263.112	4.277.909.582.099	
Lãi trong năm trước				334.035.813.490	334.035.813.490	
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(278.098.191.526)	(278.098.191.526)	
Tạm trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2022				(18.000.000.000)	(18.000.000.000)	
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2021				(18.649.364.933)	(18.649.364.933)	
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành				(1.472.040.000)	(1.472.040.000)	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(333.000.000)		(333.000.000)	
Số dư cuối năm trước	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.698.027.465	881.894.480.143	4.295.392.799.130	
Số dư đầu năm nay	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.698.027.465	881.894.480.143	4.295.392.799.130	
Lãi trong năm nay				370.954.084.765	370.954.084.765	
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước				(347.700.000.000)	(347.700.000.000)	
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2022				(54.789.123.883)	(54.789.123.883)	
Trích quỹ thưởng Ban điều hành				(1.296.000.000)	(1.296.000.000)	
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(266.000.000)		(266.000.000)	
Số dư cuối kỳ	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.432.027.465	849.063.441.025	4.262.295.760.012	

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu						
	Số cuối kỳ	%	Số đầu năm	%		
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79		
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34		
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16		
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70		
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)***17. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán riêng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	173.554,81	92.514,50
- EUR	3.640,62	6.073,40

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Doanh thu cung cấp thành phẩm, hàng hóa	1.837.919.831.360	1.806.883.092.683	5.682.372.043.105	5.541.244.956.891
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	12.907.747.357	9.003.045.292	49.776.498.725	48.669.715.040
Cộng	1.850.827.578.717	1.815.886.137.975	5.732.148.541.830	5.589.914.671.931

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Hàng bán bị trả lại	106.979.668	75.996.348	602.709.976	1.927.730.676
Chiết khấu thương mại	3.362.718.824	-	3.362.718.824	782.836.942
Cộng	3.469.698.492	75.996.348	3.965.428.800	2.710.567.618

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm, hàng hóa	1.834.450.132.868	1.806.807.096.335	5.678.406.614.305	5.538.534.389.273
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	12.907.747.357	9.003.045.292	49.776.498.725	48.669.715.040
Cộng	1.847.357.880.225	1.815.810.141.627	5.728.183.113.030	5.587.204.104.313

4. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Giá vốn thành phẩm	394.028.769.092	391.065.165.413	1.573.431.906.113	1.389.793.302.059
Giá vốn hàng hóa	1.059.592.441.992	1.093.386.113.905	2.778.453.043.507	2.944.284.788.567
Cộng	1.453.621.211.084	1.484.451.279.318	4.351.884.949.620	4.334.078.090.626

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.760.455.119	45.662.505.695	138.772.094.083	181.124.824.244
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.079.294.975	-	41.906.406.442	57.168.834.912
Lãi chênh lệch tỷ giá	981.820.337	209.099.199	2.698.178.862	1.050.994.993
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-	200.000	-
Cộng	40.821.570.431	45.871.604.894	183.376.879.387	239.344.654.149

6. Chi phí tài chính

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.042.248.104	296.558.318	2.664.839.483	476.918.611
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(5.310.572.504)	(5.525.092.931)	(1.746.991.856)	5.805.320.564
Cộng	(4.268.324.400)	(5.228.534.613)	917.847.627	6.282.239.175

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
a. Chi phí bán hàng	250.316.421.237	198.270.096.619	864.370.284.405	796.437.614.112
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ phân bổ	3.805.902.629	4.999.508.732	16.836.339.575	24.466.383.521
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa	29.896.783.608	31.236.119.400	89.438.401.042	85.196.223.719
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	198.411.851.636	151.402.325.234	707.900.864.475	650.328.100.255
Các khoản chi phí bán hàng khác	18.201.883.364	10.632.143.253	50.194.679.313	36.446.906.617
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	82.458.083.637	86.521.108.846	243.800.557.606	281.705.642.811
Chi phí nhân viên quản lý	43.697.720.058	26.256.442.423	109.216.018.559	103.931.848.183
Chi phí khấu hao	8.441.983.081	9.225.770.599	33.698.487.165	36.418.148.618
Chi phí thuê đất	(5.398.070.248)	11.674.898.745	13.591.907.309	23.067.953.223
Chi phí quản lý khác	35.716.450.746	39.363.997.079	87.294.144.573	118.287.692.787

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Thanh lý tài sản	25.500.000	-	166.409.091	466.988.000
Thu phạt bồi thường	743.058.819	349.728.813	1.189.017.650	1.871.493.204
Thu từ bán bã bia	2.247.268.900	2.833.014.022	8.313.462.900	10.665.471.564
Thu hồi vỏ chai, két	2.084.038.971	622.194.390	3.817.769.124	690.323.939
Thu nhập khác	1.369.120.296	2.091.177.313	4.461.108.768	3.383.790.801
Cộng	6.468.986.986	5.896.114.538	17.947.767.533	17.078.067.508

9. Chi phí khác

	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	-	-	2.138.821.444	3.571.594
Chi phí khác	-	-	733.653	494.117.150
Cộng	-	-	2.139.555.097	497.688.744

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.521.046.084	103.563.910.889	466.394.565.595	424.625.550.502
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	6.181.556.931	10.253.145.370	(39.080.314.400)	(46.562.282.811)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.719.951.119	10.958.353.472	9.719.951.119	13.427.384.509
+ Chi phí không được khấu trừ	6.493.426.078	7.825.223.472	6.493.426.078	7.825.223.472
+ Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác	3.226.525.041	3.133.130.000	3.226.525.041	5.602.161.037
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.538.394.188	705.208.102	48.800.265.519	59.989.667.320
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.079.294.975	-	41.906.406.442	57.168.834.912
+ Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác	1.459.099.213	705.208.102	6.893.859.077	2.820.832.408
Tổng thu nhập chịu thuế	118.702.603.015	113.817.056.259	427.314.251.195	378.063.267.691
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	30.279.015	479.588.589	9.244.163.781	15.533.349.201
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.770.799.618	23.242.999.841	94.707.014.020	91.146.002.740
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	315.745.477.003	310.765.268.253	1.169.048.049.610	1.082.845.102.576
Chi phí nhân công	55.037.851.174	42.182.008.337	172.309.231.688	168.372.958.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.184.488.380	47.001.207.498	166.960.122.033	185.130.952.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.775.471.923	268.693.323.458	1.047.025.297.257	965.036.081.429
Chi phí khác bằng tiền	33.394.164.204	45.300.616.053	103.879.212.096	136.209.848.320
Cộng	749.137.452.684	713.942.423.599	2.659.221.912.684	2.537.594.943.194
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu				

Tổng Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng), và Ban Kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong Quý 4 năm 2024 như sau:

Họ tên	Chức danh	Quý 4/2024	Quý 4/2023	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	297.600.000	297.600.000	1.190.400.000	1.190.400.000
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Bà Quấn Lê Hà	Thành viên	40.800.000	40.800.000	163.200.000	163.200.000
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên - Từ ngày 28/06/2023	40.800.000	40.800.000	163.200.000	81.600.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát					
Bà Chữ Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	187.200.000	187.200.000	748.800.000	748.800.000
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên - Đến ngày 28/06/2023	-	-	48.000.000	48.000.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên - Từ ngày 28/06/2023	24.000.000	24.000.000	96.000.000	48.000.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	24.000.000	24.000.000	96.000.000	96.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác					
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc	268.800.000	268.800.000	1.075.200.000	1.075.200.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		1.022.400.000	1.022.400.000	4.089.600.000	4.089.600.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Công ty con	Thu hồi vỏ chai kết	561.850.000	964.196.365
		Bán hàng hóa, thành phẩm	4.147.161.487.292	3.923.551.095.610
		Tiền điện, nước, khác	1.337.021.000	-
		Phạt vi phạm, khác	43.984.000	191.178.364
		Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	4.851.970.479	2.268.629.617
		Lợi nhuận được chia	1.794.864.967	12.554.758.912
		Cho thuê VP, kho	14.883.815.708	18.506.950.235
		Vật dụng quảng cáo, khuyến mãi, hỗ trợ sản lượng tiêu thụ	334.661.415.799	304.485.028.737
		Bán vật tư, hàng hóa	150.480.000	221.032.980
		Cổ tức được chia	2.640.000.000	2.640.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Công ty con	Bán quyền nhãn hiệu	1.143.627.984	1.082.284.992
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	4.586.868
		Cổ tức được chia	1.491.750.000	1.491.750.000
		Bán vật tư, hàng hóa	12.540.000	158.236.281
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Công ty con	Bán quyền nhãn hiệu	150.721.584	164.755.133
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	38.132.619
		Mua hàng hóa	133.144.307.650	205.518.254.380
		Bán vật tư, hàng hóa	22.505.409.332	37.012.372.174
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Công ty con	Bán quyền nhãn hiệu	25.510.723	-
		Chi phí khác	30.000.000	-
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	103.903.956
		Cổ tức được chia	2.199.228.500	3.770.106.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Công ty con	Mua hàng hóa	170.504.164.150	154.804.444.570

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Luỹ kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa	1.305.380.959.214	1.190.043.740.781
		Chi phí hỗ trợ bán hàng, VDQC	72.870.065.124	64.238.836.750
		Vật dụng quảng cáo	624.300.000	-
		Bản quyền nhãn hiệu	387.816.008	483.255.335
		Thu hồi vỏ chai kết	6.283.093	44.549.999
		Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	845.282.040	161.581.110
		Phạt vi phạm	10.520.500	-
		Mua hàng hóa	86.619.426.920	69.603.991.580
		Bán vật tư, hàng hóa	14.700.551.794	14.493.472.938
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	75.284.478
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Công ty con	Mua nắp chai	11.828.584.500	15.719.158.236
		Cổ tức được chia	965.300.000	275.800.000
		Bán thành phẩm	1.205.014.982.550	1.085.589.562.880
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Công ty con	Hàng bán trả lại	748.999.000	697.111.250
		Cổ tức được chia	5.621.400.000	7.495.200.000
		Cho thuê mặt bằng, điện nước	3.337.622.099	3.333.556.669
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội - Quảng Ninh	Công ty con	Hỗ trợ nhãn hiệu	-	2.675.673
		Sửa keg	909.038.840	1.126.961.960
		Chi phí hỗ trợ bán hàng, VDQC, thuê keg	819.720.000	1.853.280.000
		Chi phí hỗ trợ bán hàng	554.306.400	6.266.783.770
		Bán thành phẩm, hàng hóa	6.372.102.160	76.617.756.720
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu NGK Hà Nội	Công ty con	Thu hồi vỏ chai kết	-	20.381.819
		Mua hàng hóa	515.771.525.240	501.450.329.352
		Bán vật tư, hàng hóa	176.400.221.041	178.940.226.451
		Cổ tức được chia	10.571.220.000	15.376.320.000
		Bản quyền nhãn hiệu	3.229.676.064	3.137.620.176

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Công ty con	Chi phí khác	50.000.000	50.000.000
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	22.958.541
		Mua hàng hóa	292.668.655.330	261.208.622.210
		Bán vật tư, hàng hóa	102.644.573.920	95.498.539.113
		Bản quyền nhãn hiệu	6.091.800	32.328.842
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Công ty con	Điện, nước và khác	9.813.305	-
		Chi phí khác	30.000.000	-
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	4.969.107
		Mua hàng hóa	446.274.211.930	438.747.222.862
		Bán vật tư, hàng hóa	151.711.893.134	157.896.835.448
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Công ty con	Cho thuê thiết bị	2.067.000.000	2.067.000.000
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	11.598.390
		Chi phí khác	30.000.000	30.000.000
		Bán vật tư, hàng hóa	623.238.000	928.710.175
		Cổ tức được chia	5.388.500.000	5.388.500.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Công ty con	Chi phí khác	100.000.000	-
		Bản quyền nhãn hiệu	7.607.114.942	7.848.556.312
		Tiền điện, nước, khác	122.830.665	-
		Mua hàng hóa	394.653.331.810	400.109.754.580
		Bán vật tư, hàng hóa	137.491.041.716	150.190.652.594
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Công ty con	Bản quyền nhãn hiệu	330.349.181	370.921.155
		Phạt vi phạm	-	535.565.000
		Chi phí khác	50.000.000	30.000.000
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	12.231.648
		Cổ tức được chia	204.000.000	612.000.000
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty con	Bản quyền nhãn hiệu	998.094.352	1.111.711.254
		Thuê kho, khác	1.508.880.000	1.528.880.000
		Bán vật tư, hàng hóa	141.702.000	198.801.720
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	3.057.912
		Mua hàng hóa	41.593.949	115.412.502

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2024	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2023
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	627.666.000	601.416.000
		Cổ tức được chia	1.008.000.000	896.000.000
		Bán quyền nhãn hiệu	4.840.812.720	4.873.028.904
		Chi phí VDQC	-	650.764.596
		Chi phí khác	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Cho thuê mặt bằng	1.123.200.000	1.123.200.000
		Cước vận chuyển, bốc xếp	29.281.039.592	25.388.985.345
		Cổ tức được chia	2.079.294.975	-
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Bán phế liệu	286.592.440	306.410.200
Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết Công ty liên kết	Mua vỏ chai	1.656.148.680	3.958.171.200
		Cổ tức được chia	7.732.848.000	6.338.400.000
		Mua vật tư bao bì	85.399.942.650	87.286.481.330
		Điện, nước và khác	73.648.584	109.309.340
		Hỗ trợ nhãn hiệu	-	2.675.673
		Bán hàng hóa	-	38.918.880
Giá hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ cung cấp cho các bên có liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.				
Công nợ với các bên liên quan khác như sau:				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) 31/12/2024	Đơn vị tính: VND 01/01/2024
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê mặt bằng	1.392.737.580	1.239.668.021
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê tài sản	25.315.317.861	-
		Mua hàng hóa	(58.765.756.411)	(69.864.143.098)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Công ty con	Mua hàng hóa	(379.733.200)	(1.171.837.700)
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty con	Mua hàng hóa	-	(20.328.000)
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa	227.634.157	156.242.080
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Công ty con	Mua hàng hóa	-	(356.400)
		Bán vật tư, hàng hóa	22.677.203	22.664.597
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Công ty con	Mua hàng hóa	(50.932.677.645)	(64.561.385.816)
		Bán vật tư, hàng hóa	19.374.371	14.688.242
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa	3.012.256.852	2.043.226.872
		Bán vật tư, hàng hóa	(13.205.957.047)	(8.981.026.502)
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Công ty con	Mua hàng hóa	10.598.370	48.345.777
		Bán vật tư, hàng hóa	(24.426.445.645)	(46.985.678.089)
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Công ty con	Mua hàng hóa	-	(4.186.893.260)
		Bán vật tư, hàng hóa	2.898.069.760	1.828.899.689
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Công ty con	Mua hàng hóa	(31.241.102.656)	(60.468.856.343)
		Bán vật tư, hàng hóa	5.038.315.557	37.342.098.469
		Nhận ký quỹ, ký cược	(7.738.297.200)	(7.585.914.200)
Công ty CP ĐTPT công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa	525.950.755	440.466.698
		Mua hàng hóa	(120.141.600.824)	(102.633.055.702)
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Công ty con	Nhận trước tiền hàng	(1.425.595.704)	(6.290.152.465)
Công ty CP Bia Rượu NGK Hà Nội - Quảng Ninh	Công ty con	Nhận trước tiền hàng	(1.371.785.172)	(2.185.313.548)
		Phải trả khác	-	(5.491.729.980)
		Nhận ký quỹ, ký cược	(548.072.000)	(4.267.512.500)
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	Công ty con	Bán hàng hóa, thuê MB	26.127.745.020	282.590.744.895
		Nhận ký cược chai kết	(86.725.915.000)	(74.608.735.300)
		Phải trả khác	(218.734.830.783)	(179.645.082.322)
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Công ty con	Bán vật tư, hàng hóa	147.941.875	156.862.421
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	116.024.461	148.289.289

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
			31/12/2024	01/01/2024
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(166.536.240)	3.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Công ty liên kết	Bán vật tư, hàng hóa	925.185.250	752.132.978
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết	Cước vận tải	(8.032.445.316)	(4.805.781.364)
		Bán vật tư, hàng hóa	17.421.600	13.957.944
		Mua hàng hóa	(14.191.151.735)	(7.362.086.192)
2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính				
			Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	
			Số đầu năm	
			Giá trị số sách	Dự phòng
			Giá trị số sách	Dự phòng
Tài sản tài chính	Tiền và các khoản tương đương tiền		-	-
	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
	Phải thu khách hàng		70.105.789.058	1.677.613.000
	Trả trước cho người bán		22.830.704.304	3.177.036.137
	Đầu tư tài chính dài hạn		1.289.945.573.387	23.364.483.998
	Phải thu khác		70.226.575.836	834.570.285
	Cộng		4.922.868.969.574	29.053.703.420
			4.687.166.220.913	30.800.695.276

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	979.461.079.064	879.181.705.400
Chi phí phải trả	21.315.173.539	78.624.281.588
Các khoản phải trả khác	411.272.765.437	394.735.788.353
Cộng	1.412.049.018.040	1.352.541.775.341

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi công nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	1.316.902.718.534	95.146.299.506	1.412.049.018.040
Phải trả cho người bán	979.461.079.064	-	979.461.079.064
Chi phí phải trả	21.315.173.539	-	21.315.173.539
Các khoản phải trả khác	316.126.465.931	95.146.299.506	411.272.765.437

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường.

Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

6. Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 4 năm 2023 kết thúc ngày 31/12/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kỳ kế toán Quý 4/2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán Quý 4 năm 2024 không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Trần Quốc Việt

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm